

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 989 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 58/TTr-LĐTBXH ngày 04 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 498 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng và 36 tỉnh, thành phố: An Giang, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bến Tre, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Lào Cai, Long An, Nam Định, Ninh Bình, Ninh Thuận, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Tiền Giang, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh, Vĩnh Long (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.


Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b), LHN (5 b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



**DANH SÁCH LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP "BẰNG TỔ QUỐC GHI CÔNG"**
(Kèm theo Quyết định số 989 /QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ CÔNG AN

1. Liệt sĩ: Tô Trí Thức

Tiểu đội trưởng Công an nhân dân, nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1967.

2. Liệt sĩ: Nguyễn Bá Nghị

Trung úy Công an nhân dân, nguyên quán: xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 9 năm 2016.

3. Liệt sĩ: Lê Văn Sinh

Thượng úy Công an nhân dân, nguyên quán: phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 3 năm 2011.

4. Liệt sĩ: Phương Văn Sơn

Chiến sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 3 năm 2011.

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

5. Liệt sĩ: Đỗ Đức Vui

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 8 năm 2016.

6. Liệt sĩ: Phạm Hoài Diệp

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 94%), nguyên quán: tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 6 năm 2016.

7. Liệt sĩ: Lại Cao Cừ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 10 năm 2016.

8. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phúc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 95%), nguyên quán: xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 12 năm 2016.

9. Liệt sĩ: Chu Thế Dũng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 2017.

10. Liệt sĩ: Lê Minh Đức

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 2017.

BỘ QUỐC PHÒNG

11. Liệt sĩ: Phương Văn Khôi

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thăng Lợi, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 3 năm 1954.

12. Liệt sĩ: Hồ Sỹ Khánh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975.

13. Liệt sĩ: Phạm Hồng Hải

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 8 năm 1983.

14. Liệt sĩ: Tô Văn Côi

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967.

15. Liệt sĩ: Trần Đức Niềm

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972.

16. Liệt sĩ: Lưu Văn Đầu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 10 năm 1979.

17. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khuyến

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968.

18. Liệt sĩ: Mai Văn Thê

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1966.

19. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tỷ

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1949.

20. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Tươi

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968.

21. Liệt sĩ: Đào Văn Liêm

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1969.

22. Liệt sĩ: Trương Văn Hùng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Duy Tân, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975.

23. Liệt sĩ: Trần Văn Long

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1972.

24. Liệt sĩ: Trần Văn Tài

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân, nguyên quán: xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1969.

25. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mão

Trưởng ban sản xuất bông băng xưởng X21, Cục Quân y, nguyên quán: quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 6 năm 1954.

26. Liệt sĩ: Lê Văn Trạch

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 7 năm 1950.

27. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ung (Thê)

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1947.

28. Liệt sĩ: Nguyễn Đắc Định

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 02 năm 1952.

29. Liệt sĩ: Lê Văn Dư

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1954.

30. Liệt sĩ: Tô Văn Nhân

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 6 năm 1949.

31. Liệt sĩ: Phan Văn Điều

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1953.

32. Liệt sĩ: Nguyễn Trung Âm

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Minh Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 12 năm 1966.

33. Liệt sĩ: Lê Đăng Ngạn

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tri Trung, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950.

34. Liệt sĩ: Nghiêm Bá Đạt

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1969.

35. Liệt sĩ: Nguyễn Việt Thành

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

36. Liệt sĩ: Lương Văn Nhi

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1965.

37. Liệt sĩ: Hoàng Văn Thái

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

38. Liệt sĩ: Vũ Hoài Thanh

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 02 năm 1980.

39. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bé

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1962.

40. Liệt sĩ: Lê Văn Phụng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 3 năm 1948.

41. Liệt sĩ: Trịnh Bá Trọng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 3 năm 1954.

42. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mút

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

43. Liệt sĩ: Đỗ Văn Mưu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 02 năm 1951.

44. Liệt sĩ: Vũ Đình Châu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 01 năm 1951.

45. Liệt sĩ: Lưu Can Mộng

Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 7 năm 1951.

46. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Hòa

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 11 năm 1947.

47. Liệt sĩ: Nguyễn Trung Toàn

Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 2014.

48. Liệt sĩ: Lữ Anh Dồi

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1979.

49. Liệt sĩ: Lê Văn Nghị

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 01 năm 1954.

TỈNH AN GIANG

50. Liệt sĩ: Võ Thị Kim Liên

Cán bộ phụ nữ xã, nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 12 năm 1953.

51. Liệt sĩ: Châu Seng

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1953

52. Liệt sĩ: Hồ Văn Quang

Tự vệ xã Phú Vĩnh, nguyên quán: xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1947.

53. Liệt sĩ: Phạm Văn Miêng

Công an xã, nguyên quán: xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1948.

54. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Còn

Ủy viên ban công an xã, nguyên quán: phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 4 năm 1947.

55. Liệt sĩ: Lê Văn Ý

Dân công huyện đội, nguyên quán: xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 15 tháng 8 năm 1945.

56. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khóa

Cán bộ đoàn thể lão thành xã, nguyên quán: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1945.

57. Liệt sĩ: Lê Văn Lầu

Cán bộ Ty Y tế, nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 2 năm 1949.

58. Liệt sĩ: Lê Văn Múc

Phó Ban Nông hội xã, nguyên quán: xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1977.

59. Liệt sĩ: Chau Mong

Giao bưu huyện, nguyên quán: xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 9 năm 1969.

60. Liệt sĩ: Lê Thị E

Giao liên xã, nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1964.

TỈNH BẠC LIÊU

61. Liệt sĩ: Dương Tấn Hưng

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 01 năm 1966.

62. Liệt sĩ: Trần Thu Thảo

Đoàn viên chi đoàn ấp, nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

63. Liệt sĩ: Hồ Văn Quờn

Giao liên xã, nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

64. Liệt sĩ: Lưu Văn Ngó

Cơ sở nội tuyến, nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1973.

65. Liệt sĩ: Lý Văn Em (3 Em)

Cơ sở nội tuyến, nguyên quán: xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1973.

66. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nuôi

Trưởng ban kinh tài xã, nguyên quán: xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1969.

67. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tài

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1968.

TỈNH BẮC NINH

68. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Miết*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1981.

69. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cháp

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 11 năm 2015.

70. Liệt sĩ: Nguyễn Sỹ Đệ

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 12 năm 2016.

TỈNH BẾN TRE

71. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tiên

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1964.

72. Liệt sĩ: Lý Cẩm Sanh

Cơ sở nội tuyến ban binh vận tỉnh, nguyên quán: xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1963.

73. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khá

Giao liên huyện, nguyên quán: xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

74. Liệt sĩ: Lương Văn Ngô

Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, nguyên quán: xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1952.

TỈNH ĐẮK NÔNG

75. Liệt sĩ Lò Ngọc Quang*

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1985.

TỈNH ĐIỆN BIÊN

76. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hường (Thành)

Công nhân tự vệ xí nghiệp chế biến lương thực thực phẩm huyện, nguyên quán: xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1967.

TỈNH ĐỒNG THÁP

77. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sua*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 07 năm 1960.

78. Liệt sĩ: Lê Văn Lộc*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 02 năm 1979.

79. Liệt sĩ: Lê Bá Thủy*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1966.

80. Liệt sĩ: Trương Văn Cương*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1968.

81. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kính*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1975.

82. Liệt sĩ: Lê Thanh Liêm*

Chiến sĩ Ban Giao bưu A53 Trung ương Cục, nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

83. Liệt sĩ: Hồng Văn Thừa*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1977.

84. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hồng*

Tiểu đội trưởng an ninh vũ trang khu II, nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Pèmchor, Prâyveng, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1971.

85. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Dầy*

Chiến sĩ Tổng hội Việt kiều Campuchia, nguyên quán: xã Peamchihôk, huyện KomPongLeng, tỉnh KomPongChhnang, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1970.

86. Liệt sĩ: Đặng Văn Nhiều*

Chiến sĩ Tổng hội Việt kiều Campuchia, nguyên quán: xã Ba Nam, huyện Pèmchor, tỉnh Prâyveng, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 6 năm 1970.

87. Liệt sĩ: Phạm Văn Đục*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Neak Lương, huyện Pèmchor, tỉnh Prâyveng, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1972.

88. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Góp*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Pèmchor, Prâyveng, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1962.

89. Liệt sĩ: Võ Văn Chấn*

Thương binh 1/4, nguyên quán: xã Long Khánh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 01 năm 1989.

90. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Giang*

Trung đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 6 năm 1947.

91. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thịnh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện PrêkĐach, tỉnh KanDal, Campuchia, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1947.

92. Liệt sĩ: Lê Văn Chơn*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Thạnh, huyện Rạch Dơi, tỉnh Cần Đal, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1973.

93. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thực*

Thư ký Trung đoàn 121 Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1947.

94. Liệt sĩ: Trần Văn Rỡ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1960.

95. Liệt sĩ: Lư Quang Hiền*

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969.

96. Liệt sĩ: Lê Văn Thao*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Rày Tho, huyện Pèmchor, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

97. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Giới*

Trung đội phó Ban giao bưu vận tỉnh, nguyên quán: xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973.

98. Liệt sĩ: Đỗ Văn Đáng*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1972.

99. Liệt sĩ: Lê Văn Chờ*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 11 năm 1987.

100. Liệt sĩ: Lê Minh Tâm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 12 năm 1982.

101. Liệt sĩ: Trần Văn Ngời*

Thương binh $\frac{3}{4}$, nguyên quán: xã Vĩnh Lợi Tường, huyện Pèmchor, tỉnh Rayveng, Campuchia, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 02 năm 1983.

102. Liệt sĩ: Bùi Văn Đạt*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tia Lây Mia, huyện KôngPôngChàm, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1971.

103. Liệt sĩ: Huỳnh Kim Long*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thiện, huyện Pèm chor, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1959.

104. Liệt sĩ: Phạm Văn Đánh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1984.

105. Liệt sĩ: Dương Văn Nuôi*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện PèmChor, tỉnh Prayveng, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1971.

106. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hát*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 8 năm 1975.

107. Liệt sĩ: Phạm Văn Tâm (Đô)*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1961.

108. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lĩnh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 02 năm 1954.

109. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Diệp*

Cán bộ cơ sở Đảng bộ Việt kiều, nguyên quán: xã Khar, huyện Ba Can, tỉnh PuSát, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1973.

110. Liệt sĩ: Lê Văn Dũng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1983.

111. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 6 năm 1982.

112. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thạnh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1983.

113. Liệt sĩ: Đinh Văn Siêng*

Thiếu úy Công an nhân dân, nguyên quán: thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 10 năm 1991.

114. Liệt sĩ: Đinh Văn Khâm*

Tiểu đội trưởng đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1959.

115. Liệt sĩ: Lê Hùng Phong*

Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 01 năm 1949.

116. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Trà (6 Cúc)*

Bí thư xã, nguyên quán: xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1962.

117. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Chai*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1969.

118. Liệt sĩ: Lê Văn Hòa*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1946.

119. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Thôi*

Tiểu đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Nhị Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1963.

120. Liệt sĩ: Võ Văn Mộng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1948.

121. Liệt sĩ: Trần Văn Giã*

Phân hội phó Mặt trận Việt Minh, nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 8 năm 1947.

122. Liệt sĩ: Lê Phát Đạt*

Chiến sĩ giao bưu, nguyên quán: xã Thiện Mỹ, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1964.

123. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kiểm*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 10 năm 1983.

124. Liệt sĩ: Phan Văn Nê*

Quyền bí thư xã, nguyên quán: xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 10 năm 1978.

125. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lèo*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 6 năm 1983.

126. Liệt sĩ: Châu Văn Sơn*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 9 năm 1988.

127. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phụng (Hồng)*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1965.

128. Liệt sĩ: Hoàng Thanh Tùng*

Phó Tổng biên tập báo Đồng Tháp, nguyên quán: xã Mỹ An Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 01 năm 1978.

129. Liệt sĩ: Bùi Văn Xê*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969.

130. Liệt sĩ: Phan Văn Thương*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 1983.

131. Liệt sĩ: Huỳnh Thiện Bình*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1966.

132. Liệt sĩ: Trần Văn Giữ*

Tiểu đội phó du kích xã, nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1974.

133. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kính*

Phó bí thư xã, nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1971.

134. Liệt sĩ: Lê Phát Minh*

Xã đội phó, nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1963.

135. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Muôn*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1959.

136. Liệt sĩ: Mai Văn Cùa*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1966.

137. Liệt sĩ: Lê Văn Châu*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1952.

138. Liệt sĩ: Ngô Văn Tê*

Bí thư chi bộ xã, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1970.

139. Liệt sĩ: Đặng Văn Bé (Thanh Tâm)*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972.

140. Liệt sĩ: Trần Thị Vịnh*

Hội trưởng Hội mẹ chiến sĩ xã, nguyên quán: xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 5 năm 1949.

141. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Năm*

Cơ sở nội tuyến ban binh vận xã, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1966.

142. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khanh*

Chiến sĩ Tổng hội Việt kiều Campuchia, nguyên quán: Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1970.

143. Liệt sĩ: Lê Văn Kèn*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 9 năm 1983.

144. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hương*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 6 năm 1968.

145. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tường*

Chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1964.

146. Liệt sĩ: Võ Văn Mười Một*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1960.

147. Liệt sĩ: Cao Văn Giông*

Đảng viên Đông y xã, nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1971.

148. Liệt sĩ: Lưu Thanh Hải*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 9 năm 1979.

149. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Long*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1951.

150. Liệt sĩ: Đặng Văn Còn*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1971.

151. Liệt sĩ: Văn Văn Út*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 10 năm 1952.

152. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Hà*

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 4 năm 1968.

153. Liệt sĩ: Đỗ Công Minh*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Điền, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1947.

154. Liệt sĩ: Lê Văn Dân (Dẫn)*

Bí thư chi bộ ấp, nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1958.

155. Liệt sĩ: Dương Văn Sơn*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 11 năm 1982.

156. Liệt sĩ: Bùi Đức Vinh*

Cán bộ tuyên truyền xã, nguyên quán: huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 06 tháng 3 năm 1945.

157. Liệt sĩ: Lưu Văn Dũng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 9 năm 1980.

158. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quán*

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1949.

159. Liệt sĩ: Lê Văn Tòng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 01 năm 1949.

160. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Huỳnh*

Trưởng đoàn tiếp tế tản cư Mặt trận Việt Minh, nguyên quán: xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 9 năm 1947.

161. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hồng*

Ủy viên Ban An ninh Công an huyện, nguyên quán: xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1973.

162. Liệt sĩ: Phạm Hữu Hộ*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1968.

163. Liệt sĩ: Lê Ngọc Đường*

Tổ trưởng Ban chế tạo vũ khí xã, nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1962.

164. Liệt sĩ: Nguyễn Quốc Cường*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ An Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1965.

165. Liệt sĩ: Phạm Văn Oai*

Chiến sĩ an ninh huyện, nguyên quán: xã Mỹ An Hưng B, huyện Thạnh Hưng, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 5 năm 1975.

166. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Út*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ An Hưng B, huyện Thạnh Hưng, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1969.

167. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Lập*

Thành viên Hội Việt kiều yêu nước ở Campuchia, nguyên quán: Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 4 năm 1970.

168. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Tiên*

Tiểu đội trưởng du kích ấp, nguyên quán: xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1962.

169. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Nhuận*

Huyện đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 7 năm 1957.

170. Liệt sĩ: Hồ Thanh Tùng*

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 11 năm 1950.

171. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thuận*

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970.

172. Liệt sĩ: Huỳnh Hồng Viêm*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1967.

173. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đức*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 9 năm 1984.

174. Liệt sĩ: Ngô Văn Biện (Lượng)*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 12 năm 1979.

175. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Tài*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1988.

176. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 02 năm 1984.

177. Liệt sĩ: Lê Văn Long (Nghé)*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967.

178. Liệt sĩ: Cao Văn A (Thọ)*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1969.

179. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Que*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1970.

180. Liệt sĩ: Lê Văn Huệ*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1971.

181. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hưng*

Nhân viên kinh tài áp, nguyên quán: xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1966.

182. Liệt sĩ: Ngô Văn Tính*

Phó đội bảo vệ Ủy ban mặt trận tỉnh, nguyên quán: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1967.

183. Liệt sĩ: Võ Văn Giáp*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

184. Liệt sĩ: Lê Văn Bảy*

Thương binh $\frac{1}{4}$, nguyên quán: xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 01 năm 1983.

185. Liệt sĩ: Nguyễn Quan Hiền*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1967.

186. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sáu*

Cán bộ giao bưu huyện, nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1955.

187. Liệt sĩ: Võ Thanh Hải*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1983.

188. Liệt sĩ: Trần Văn Trường*

Cán bộ binh vận xã, nguyên quán: xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1974.

189. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bảy*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969.

190. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thắng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1988.

191. Liệt sĩ: Đoàn Văn Trình (Tám Trình)*

Cán bộ hợp pháp xã, nguyên quán: xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1968.

192. Liệt sĩ: Lê Văn Công*

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 7 năm 1965.

193. Liệt sĩ: Trần Văn Tư*

Đoàn viên thanh niên xã, nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1966.

TỈNH HÀ NAM

194. Liệt sĩ: Trương Đăng Điền*

Trợ lý Quân giới Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 8 năm 1972.

195. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hải

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 7 năm 2015.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

196. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Gấm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1950.

197. Liệt sĩ: Trần Quốc Bảo

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 2016.

198. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hải

Công an xã, nguyên quán: xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 2015.

199. Liệt sĩ: Nguyễn Bá Bình

Chủ nhiệm Việt Minh xã, nguyên quán: xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 02 năm 1947.

200. Liệt sĩ: Phạm Tiến Lợi

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 7 năm 2016.

201. Liệt sĩ: Nguyễn Thế Lâm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 02 năm 1954.

202. Liệt sĩ: Phùng Bá Nuôi*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vật Lại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1967.

203. Liệt sĩ: Dương Mạnh Nhâm*

Nhân viên Cục liên lạc đối ngoại, nguyên quán: xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 9 năm 1978.

204. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Hiếu*

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1964.

205. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Phúc*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1968.

206. Liệt sĩ: Nguyễn Bắc Cứ*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1974.

207. Liệt sĩ: Phùng Đình Luật

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 82%), nguyên quán: xã Đồng Thái, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 01 năm 2015.

208. Liệt sĩ: Phan Văn Vang (Phạm Văn Vang)

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 5 năm 2016.

209. Liệt sĩ: Trương Minh Tuấn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 12 năm 2016.

210. Liệt sĩ: Đỗ Đình Tề

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1952.

TỈNH HÀ TĨNH

211. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hùng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1968.

212. Liệt sĩ: Nguyễn Khắc Niêm*

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thịnh Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972.

213. Liệt sĩ: Hoàng Sỹ Cao*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1966.

214. Liệt sĩ: Trần Văn Hồng*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 02 năm 1985.

215. Liệt sĩ: Nguyễn Thế Rền*

Công nhân, nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968.

216. Liệt sĩ: Trần Văn Mão

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 2016.

TỈNH HẢI DƯƠNG

217. Liệt sĩ: Đặng Văn Giác

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1950.

218. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Vừa

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1950.

219. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhại

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1950.

220. Liệt sĩ: Phạm Văn Khẩn

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1950.

221. Liệt sĩ: Nguyễn Chính Bội

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 01 năm 1950.

222. Liệt sĩ: Vương Đình Vi

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), nguyên quán: xã Nam Chính, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 9 năm 2013.

223. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Giáp

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 01 năm 2015.

224. Liệt sĩ: Đỗ Văn Ngợi

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 6 năm 2015.

225. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Khanh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 11 năm 2016.

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

226. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tiến*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 10 năm 1949.

227. Liệt sĩ: Bùi Văn Khánh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968.

228. Liệt sĩ: Lư Minh Khi*

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1970.

229. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Lạp (Nguyễn Văn Lạp)*

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Xuân Đám, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1956.

230. Liệt sĩ: Bùi Văn Ích*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1970.

231. Liệt sĩ: Vi Văn Báo

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 2015.

232. Liệt sĩ: Đỗ Quang Le

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), nguyên quán: xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 2015.

233. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Thi*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 1987.

234. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Chí*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968.

235. Liệt sĩ: Đinh Biên Thùy*

Quân y sĩ, nguyên quán: xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 01 năm 1971.

236. Liệt sĩ: Ngô Văn Thứ (Ngô Xuân Thứ)*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968.

237. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhậm*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966.

238. Liệt sĩ: Đỗ Văn Đức*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1969.

239. Liệt sĩ: Đỗ Doanh Thư*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1968.

240. Liệt sĩ: Hoàng Văn Xuyên

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 02 năm 1950.

241. Liệt sĩ: Phạm Văn Giàng

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 5 năm 1954.

242. Liệt sĩ: Phạm Xuân Tuy (Thích Tâm Tuy)

Sư trụ trì chùa Đông Tạ, nguyên quán: xã Thái Thụy, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1952.

243. Liệt sĩ: Phạm Văn Chài

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 10 năm 2014.

244. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Sản

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 01 năm 2015.

245. Liệt sĩ: Nguyễn Thế Núc

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 75%), nguyên quán: xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 7 năm 2014.

TỈNH HẬU GIANG

246. Liệt sĩ: Huỳnh Kim Sung

Cán bộ giáo dục xã, nguyên quán: xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1964.

247. Liệt sĩ: Phan Văn Ký

Phó Chủ tịch Mặt trận giải phóng dân tộc xã, nguyên quán: xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966.

248. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đễ

Phó Bí thư Đoàn Thanh niên ấp, nguyên quán: xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1960.

249. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Kiều

Cơ sở mật, nguyên quán: xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972.

250. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đức

Quản thủ Ban kinh tài xã, nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 5 năm 1951.

251. Liệt sĩ: Phạm Văn Hai

Đội viên du kích, nguyên quán: thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1968.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

252. Liệt sĩ: Lê Minh Tấn*

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 93%), nguyên quán: tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 1992.

253. Liệt sĩ: Vũ Thế Cường*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1970.

254. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ngoan*

Ủy viên tài chính xã, nguyên quán: xã Tăng Nhơn Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1950.

255. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tánh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 8 năm 1948.

256. Liệt sĩ: Phạm Văn Lốp*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

257. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Năng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1969.

258. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bảnh*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1966.

259. Liệt sĩ: Đặng Văn Đặng*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 8 năm 1967.

260. Liệt sĩ: Trần Văn Tông*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1965.

261. Liệt sĩ: Đặng Văn Việt*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Lý Nhơn, huyện Duyên Hải, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972.

262. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khuya*

Giáo viên, nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1963.

263. Liệt sĩ: Đỗ Văn Ngùi*

Dân công tải đạn, nguyên quán: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968.

264. Liệt sĩ: Bùi Văn Dự*

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1986.

265. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cung*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1969.

266. Liệt sĩ: Đặng Thị Sâm*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Lý Nhơn, huyện Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1970.

267. Liệt sĩ: Lê Đức Hạnh*

Giáo viên, nguyên quán: phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1949.

268. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khỳ*

Chủ tịch hành chính ấp, nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1949.

269. Liệt sĩ: Trương Văn Thành*

Chính trị viên, nguyên quán: phường Tăng Nhơn Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1980.

270. Liệt sĩ: Lê Công Mễ (Toàn)*

Tiểu đội trưởng Công an nhân dân, nguyên quán: xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1965.

271. Liệt sĩ: Lê Văn Hón*

Phó phòng bảo vệ xí nghiệp vận tải đường sắt, nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 01 năm 1980.

272. Liệt sĩ: Lê Văn Chính*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1964.

273. Liệt sĩ: Lê Văn Hiến*

Nhân viên Công an nhân dân, nguyên quán: phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1947.

274. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hai*

Nhân dân đấu tranh, nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1954.

275. Liệt sĩ: Hoàng Ngọc Kính*

Phó bí thư chi bộ xã, nguyên quán: huyện Nam Đòan, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1952.

276. Liệt sĩ: Ngô Văn Vân*

Đội viên du kích kiêm y tá xã, nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 5 năm 1971.

TỈNH HƯNG YÊN

277. Liệt sĩ: Nguyễn Đăng Ký

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 6 năm 2016.

278. Liệt sĩ: Nguyễn Quang Huy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 90%), nguyên quán: xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 2014.

279. Liệt sĩ: Vũ Minh Luận

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 02 năm 2015.

TỈNH LÀO CAI

280. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Đăng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1972.

TỈNH LONG AN

281. Liệt sĩ: Dương Thanh Sùng

Công an xã, nguyên quán: xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1953.

282. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tiếp

Tiểu đội trưởng đội viên du kích, nguyên quán: xã Bình Hòa Trung, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1961.

283. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tước

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1963.

284. Liệt sĩ: Biện Văn Tàu

Huyện ủy viên, nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1961.

285. Liệt sĩ: Ngô Văn Phoi

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1970.

286. Liệt sĩ: Võ Văn Bé

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1968.

287. Liệt sĩ: Lê Văn Ăn

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1968.

TỈNH NAM ĐỊNH

288. Liệt sĩ: Trần Duy Hùng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 2016.

289. Liệt sĩ: Huỳnh Phú

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Thủy Phù, huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 9 năm 2016.

290. Liệt sĩ: Trần Kim Tín

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1947.

291. Liệt sĩ: Hoàng Văn Mỹ

Kiểm soát viên xã, nguyên quán: xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1950.

TỈNH NINH BÌNH

292. Liệt sĩ: Đinh Văn Khắc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 2016.

293. Liệt sĩ: Lã Khắc Mạnh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 5 năm 2017.

294. Liệt sĩ: Phạm Văn Xen

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 98%), nguyên quán: xã An Sơn, huyện Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 2013.

295. Liệt sĩ: Nguyễn Quang Lượng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 3 năm 2016.

296. Liệt sĩ: Ninh Văn Nhân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 84%), nguyên quán: xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 01 năm 2016.

297. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Hùng*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1983.

298. Liệt sĩ: Nguyễn Trọng Miện*

Huyện đội trưởng, nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 2 năm 1953.

299. Liệt sĩ: Phạm Văn Sơn*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972.

300. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phê*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968.

301. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hỹ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1968.

302. Liệt sĩ: Phạm Văn Nhu*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972.

303. Liệt sĩ: Phạm Văn Ân*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1972.

304. Liệt sĩ: Bùi Văn Thìn*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1975.

305. Liệt sĩ: Trần Văn Phong (Trần Minh Phong)*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972.

306. Liệt sĩ: Đào Văn Kết*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kim Định, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1970.

307. Liệt sĩ: Đinh Thị Vân*

Học viên trường trung cấp xe Sơn Tây, nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1972.

308. Liệt sĩ: Đinh Văn Được (Đinh Thế Được)*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 02 năm 1968.

309. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tường (Nguyễn Trường)*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1968.

310. Liệt sĩ: Phạm Văn Trí (Chi)*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1972.

311. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Hòa*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1967.

312. Liệt sĩ: Tạ Quang Túc*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1966.

313. Liệt sĩ: Tô Xuân Hiền*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1968.

314. Liệt sĩ: Vũ Văn Lộc*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1975.

315. Liệt sĩ: Quách Văn Tâm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đức Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1968.

316. Liệt sĩ: Đinh Công Tý*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Mật, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1970.

317. Liệt sĩ: Vũ Ngọc Sơn*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 9 năm 1977.

318. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Thịnh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Phú, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1968.

319. Liệt sĩ: Bùi Phúc Nghiệp*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1967.

320. Liệt sĩ: Phạm Sinh Duyệt*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966.

321. Liệt sĩ: Đinh Như Vũ*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1969.

322. Liệt sĩ: Lê Đình Kiểm*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Lạc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1967.

323. Liệt sĩ: Mai Xuân Phiệt*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Lạc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1966.

324. Liệt sĩ: Đinh Văn Chương*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1971.

TỈNH NINH THUẬN

325. Liệt sĩ: Nguyễn Khắc Sâm

Đội viên nhân dân tự vệ thôn, nguyên quán: xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1948.

326. Liệt sĩ: Nguyễn Xin

Đội trưởng nhân dân tự vệ thôn, nguyên quán: xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1948.

327. Liệt sĩ: Phạm Thê

Cơ sở mật, nguyên quán: xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 5 năm 1949.

TỈNH NGHỆ AN

328. Liệt sĩ: Đặng Đình Tài

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 6 năm 2016.

329. Liệt sĩ: Nguyễn Bá Tần*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1966.

330. Liệt sĩ: Hồ Thị Lai*

Dân công, nguyên quán: xã Quỳnh Xuân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1967.

331. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Sơn*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1966.

332. Liệt sĩ: Đặng Đức Thanh*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968.

333. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Kháng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 86%), nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 9 năm 2016.

334. Liệt sĩ: Nguyễn Như Bình

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 2016.

335. Liệt sĩ: Hoàng Thanh Long

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 10 năm 2010.

336. Liệt sĩ: Nguyễn Cảnh Sơn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 2016.

337. Liệt sĩ: Nguyễn Việt Vũ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 2014.

338. Liệt sĩ: Phạm Văn Chi (Phạm Văn Thảo)

Cán bộ dân vận, nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 9 năm 1947.

TỈNH PHÚ THỌ

339. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tề*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1970.

340. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thọ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 9 năm 2016.

341. Liệt sĩ: Trương Văn Toái

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 10 năm 2016.

342. Liệt sĩ: Nguyễn Diệm

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 02 năm 2016.

343. Liệt sĩ: Hà Đức Hùng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 9 năm 2016.

344. Liệt sĩ: Phạm Văn Thuyết

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 4 năm 2016

TỈNH QUẢNG BÌNH

345. Liệt sĩ: Lê Mai Kiên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 87%), nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 3 năm 2015.

346. Liệt sĩ: Hoàng Rọt

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 11 năm 2013.

347. Liệt sĩ: Đinh Ôn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 9 năm 2001.

348. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khuyên*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1968.

349. Liệt sĩ: Châu Thị Thùy*

Tổ trưởng tổ sản xuất, nguyên quán: xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1966.

350. Liệt sĩ: Trần Xuân Vũ*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1968.

351. Liệt sĩ: Đinh Hồng Quân*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 01 năm 1979.

352. Liệt sĩ: Cao Xuân Lệ*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1969.

353. Liệt sĩ: Trần Xuân Hận*

Công nhân, nguyên quán: xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1967.

354. Liệt sĩ: Phạm Tấn Hóa*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Dương Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1974.

TỈNH QUẢNG NAM

355. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Tấn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quế Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 8 năm 2014.

356. Liệt sĩ: Đặng Hữu Sau

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), nguyên quán: phường Điện Nam Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 11 năm 2015.

357. Liệt sĩ: Lê Văn Đờng (Cần)

Phó Ban tiền phương huyện, nguyên quán: xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1974.

358. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sáu*

Học viên, nguyên quán: xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972.

359. Liệt sĩ: Võ Đức An*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967.

TỈNH QUẢNG NINH

360. Liệt sĩ: Chu Văn Thanh*

Đội viên du kích, nguyên quán: phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 02 năm 1952.

361. Liệt sĩ: Đặng Xuân Biểu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 8 năm 2016.

TỈNH QUẢNG NGÃI

362. Liệt sĩ: Trần Ngọc Hùng*

Cán bộ Tổng công ty bách hóa, nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1972.

TỈNH QUẢNG TRỊ

363. Liệt sĩ: Lê Văn Đăng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 01 năm 2016.

364. Liệt sĩ: Phan Nghiêm*

Giao liên xã, nguyên quán: xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 8 năm 1949.

365. Liệt sĩ: Phan Văn Bình

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 02 năm 2016.

366. Liệt sĩ: Võ Hồng Lãnh*

Đại đội phó, nguyên quán: xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1971.

367. Liệt sĩ: Phan Ngọc Thảo*

Dân quân xã, nguyên quán: xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1967.

368. Liệt sĩ: Đoàn Đăng Ngật*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 5 năm 1982.

TỈNH SÓC TRĂNG

369. Liệt sĩ: Lê Văn Nhọn*

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968.

370. Liệt sĩ: Hồ Tuấn Kiệt*

Bí thư chi bộ xã, nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1989.

371. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Luân*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1964.

372. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bạch*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1969.

373. Liệt sĩ: Lục Phát Phước*

Cán bộ huyện ủy, nguyên quán: xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1959.

374. Liệt sĩ: Võ Văn Thạch*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 8 năm 1966.

375. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tấn*

Đoàn Thanh Lao, nguyên quán: xã Vĩnh Quới, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1960.

376. Liệt sĩ: Lâm Văn Sến*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1963.

377. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hai*

Trưởng ban nông hội ấp, nguyên quán: xã Thạch Thới Thuận, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1965.

378. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mạnh*

Tiểu đội trưởng đội viên du kích, nguyên quán: xã Thạch Thới Thuận, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1964.

379. Liệt sĩ: Trần Văn Phải*

Trưởng ban tiếp tế xã, nguyên quán: xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1960.

380. Liệt sĩ: Trương Văn Đường*

Du kích hành lang, nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1965.

381. Liệt sĩ: Phạm Văn Tiền*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1968.

382. Liệt sĩ: Ngô Văn Thành*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968.

383. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhiều*

Áp đội phó, nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 6 năm 1973.

384. Liệt sĩ: Phạm Văn Y*

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1964.

385. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lâm*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhon Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 5 năm 1986.

386. Liệt sĩ: Trần Văn Suôi*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1964.

387. Liệt sĩ: Lâm Hữu Tâm*

Trưởng ban tuyên huấn xã, nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1962.

388. Liệt sĩ: Nguyễn Tâm Du*

Áp đội trưởng, nguyên quán: xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1965.

TỈNH SON LA

389. Liệt sĩ: Lường Văn Hoang*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972.

TỈNH TIỀN GIANG

390. Liệt sĩ: Trịnh Văn Tre

Cán bộ Nam kỳ khởi nghĩa, nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 13 tháng 8 năm 1944.

391. Liệt sĩ: Bùi Văn Nhâm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1970.

392. Liệt sĩ: Trần Văn Mẹo

Đội thanh niên tiên phong, nguyên quán: xã Phú Nhuận Đông, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 07 tháng 02 năm 1942.

393. Liệt sĩ: Lê Thị Đẹp

Cán bộ y tá, nguyên quán: xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1969.

394. Liệt sĩ: Lê Văn Đục

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966.

395. Liệt sĩ: Phan Văn Khá

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1948.

396. Liệt sĩ: Lê Trung Trực

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 02 năm 1950.

415. Liệt sĩ: Bùi Văn Ngọ

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đông Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 11 năm 1950.

416. Liệt sĩ: Vũ Văn Tràng

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1950.

417. Liệt sĩ: Trần Bá Cừ

Thôn đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 11 năm 1952.

418. Liệt sĩ: Phạm Văn Mắm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Thái Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 9 năm 1951 tại Đội du kích xã Vị Dương.

419. Liệt sĩ: Nguyễn Anh Dán

Nhân viên giao thông liên lạc, nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 3 năm 1952.

TỈNH THÁI NGUYÊN

420. Liệt sĩ: Đỗ Văn Sửu

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 71%), nguyên quán: xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 4 năm 2015.

TỈNH THANH HÓA

421. Liệt sĩ: Hoàng Công Vy*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1966.

422. Liệt sĩ: Lê Văn Tri*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1968.

423. Liệt sĩ: Trần Ngọc Độ*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1969.

424. Liệt sĩ: Hà Văn Uyên*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969.

425. Liệt sĩ: Mai Xuân Điềm*

Công nhân, nguyên quán: xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1965.

426. Liệt sĩ: Hàn Đình Thạch*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1966.

427. Liệt sĩ: Lê Văn Bạ*

Dân công hỏa tuyến, nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 8 năm 1965.

428. Liệt sĩ: Trần Văn Bảo*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1967.

429. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bảo*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1968.

430. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Liêm*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969.

431. Liệt sĩ: Thái Hữu Chung*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Hưng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 3 năm 1953.

432. Liệt sĩ: Lê Văn Hòe*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 8 năm 1967.

433. Liệt sĩ: Bùi Kính Thăng*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1969.

434. Liệt sĩ: Nguyễn Việt Vân*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1966.

435. Liệt sĩ: Dương Nhật Liên*

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1966.

436. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hiến*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1966.

437. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ngũ*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968.

438. Liệt sĩ: Hoàng Minh Chính*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969.

439. Liệt sĩ: Đinh Văn Hai*

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1969.

440. Liệt sĩ: Trần Đăng Hải*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1970.

441. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hùng*

Trợ lý Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1989.

442. Liệt sĩ: Trịnh Văn Lục*

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1970.

443. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Đình*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1969.

444. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chiến*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1965.

445. Liệt sĩ: Mai Ngọc Thông*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968.

446. Liệt sĩ: Mai Văn Khởi*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1966.

447. Liệt sĩ: Lê Văn Thao*

Công nhân, nguyên quán: xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972.

448. Liệt sĩ: Lê Sỹ Đăng*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1967.

449. Liệt sĩ: Trương Hùng Luật*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1966.

450. Liệt sĩ: Nguyễn Chí Thành*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1971.

451. Liệt sĩ: Lê Thị Đức*

Dân công, nguyên quán: xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972.

452. Liệt sĩ: Đỗ Minh Đức*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1968.

453. Liệt sĩ: Lưu Huy Huân*

Chuẩn úy Công an vũ trang, nguyên quán: xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1967.

454. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Đăng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 2016.

455. Liệt sĩ: Đinh Văn Bảo

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 4 năm 2009.

456. Liệt sĩ: Lê Đình Thu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 4 năm 2016.

457. Liệt sĩ: Lê Xuân Quý

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 95%), nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 7 năm 2016.

458. Liệt sĩ: Hà Văn Chúc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 2015.

459. Liệt sĩ: Lại Thế Toàn

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 71%), nguyên quán: xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 2016.

460. Liệt sĩ: Nguyễn Tiết Kiệm

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 9 năm 2016.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

461. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Năm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Điền Hải, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1952.

462. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Luyến

Cán bộ kinh tài xã, nguyên quán: xã Hương An, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1949.

463. Liệt sĩ: Lê Đình Oạn

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hương Chũ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1951.

464. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quốc

Cơ sở cách mạng xã, nguyên quán: xã Hương Chũ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1968.

465. Liệt sĩ: Trương Văn Nghiêm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hương Chũ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 6 năm 1947.

466. Liệt sĩ: Trương Văn Úy

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hương Chũ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 6 năm 1947.

467. Liệt sĩ: Lê Bá Lạp

Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ xã, nguyên quán: xã Tứ Hạ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 4 năm 1947.

468. Liệt sĩ: Châu Văn Chùy

Công an thôn, nguyên quán: xã Hương Phong, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968.

TỈNH TRÀ VINH

469. Liệt sĩ: Lê Văn Sách*

Thư ký tiểu tổ Đảng, nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 25 tháng 3 năm 1941.

470. Liệt sĩ: Đỗ Văn Gát*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1973.

TỈNH VĨNH LONG

471. Liệt sĩ: Đặng Văn Xe*

Trung đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969.

472. Liệt sĩ: Lê Văn Chính*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tháng 10 năm 1987.

473. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khánh*

Cán bộ Ban chấp hành nông dân xã, nguyên quán: xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 01 năm 1950.

474. Liệt sĩ: Phan Văn Đây*

Cán bộ kinh tài huyện, nguyên quán: xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

475. Liệt sĩ: Bạch Văn Báo*

Tổ trưởng công trường xã, nguyên quán: xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1967.

476. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lập*

Tiểu đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1972.

477. Liệt sĩ: Trần Văn Oanh*

Giáo viên, nguyên quán: xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1962.

478. Liệt sĩ: Lê Quang Chính*

Tiểu đội trưởng công an huyện, nguyên quán: xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 3 năm 1953.

479. Liệt sĩ: Lê Ngọc Giáp*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 7 năm 1985.

480. Liệt sĩ: Đặng Văn Quang*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1989.

481. Liệt sĩ: Phan Văn Ba (Ba Thành)

Du kích mật áp, nguyên quán: xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1974.

482. Liệt sĩ: Dương Thị Bảy

Cán bộ giao liên huyện, nguyên quán: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968.

483. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Một

Chiến sĩ kinh tài xã, nguyên quán: xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 5 năm 1953.

484. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhờ

Cơ sở mật, nguyên quán: xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975.

485. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kính

Đội viên KC9 Khu Tây Nam Bộ, nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1972.

486. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phú

Đội viên KC9 Khu Tây Nam Bộ, nguyên quán: xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1970.

487. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Khải

Cán bộ phụ nữ hoạt động bí mật, nguyên quán: xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1973.

488. Liệt sĩ: Lê Văn Năm (Năm Nhót)

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1965.

489. Liệt sĩ: Lê Văn Siêu

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1962.

490. Liệt sĩ: Lê Văn Chiêu

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1962.

491. Liệt sĩ: Phạm Văn Hách

Du kích mật xã, nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968.

492. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Ké

Giao liên ấp, nguyên quán: xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 12 năm 1970.

493. Liệt sĩ: Lê Tấn Lợi

Cơ sở nội tuyến, nguyên quán: xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1971.

494. Liệt sĩ: Bùi Văn Lập

Cán bộ kinh tài xã, nguyên quán: xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970.

495. Liệt sĩ: Võ Văn Tý

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1963.

496. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Suyễn

Tiểu đội trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 9 năm 1951.

497. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lương

Tiểu đội phó du kích xã, nguyên quán: xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1948.

498. Liệt sĩ: Trần Quang Minh

Đội viên thanh niên xung phong, nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1978.

Ghi chú:

**Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995. Tổng số: 283/497 trường hợp.*